FireAnt

CTCP BOT Cầu Thái Hà (UPCOM: BOT)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	2,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
SL cổ phiếu LH	59,246,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	448,385
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
P/E	0.6
EPS	4,311

	YTD	1T	3T	6T
BOT	-3.7%	-13.3%	-56.7%	-7.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

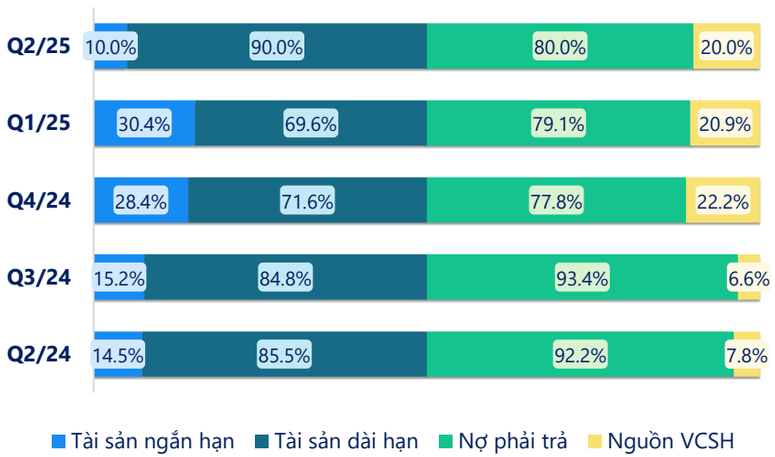

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

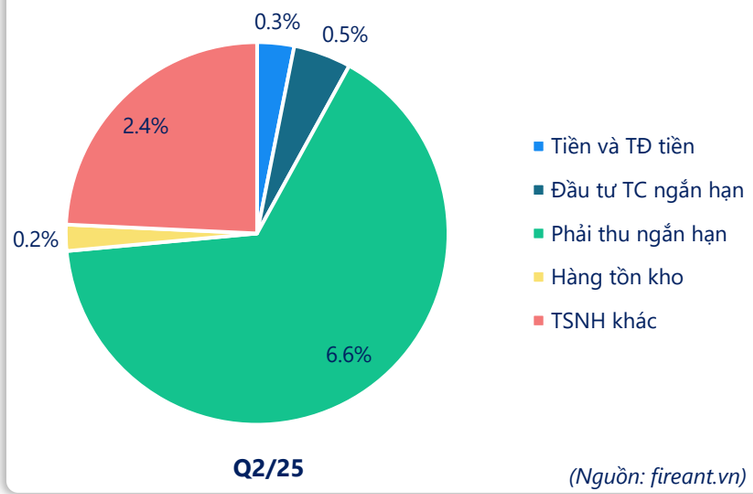

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

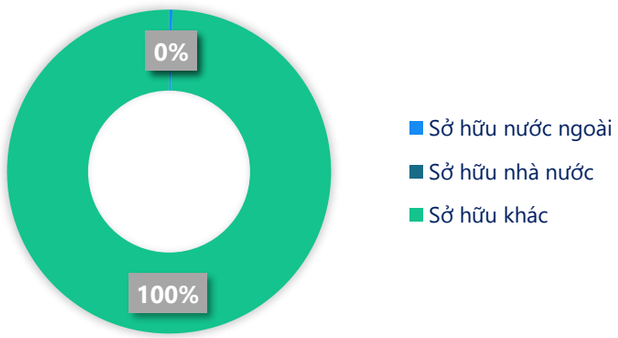

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

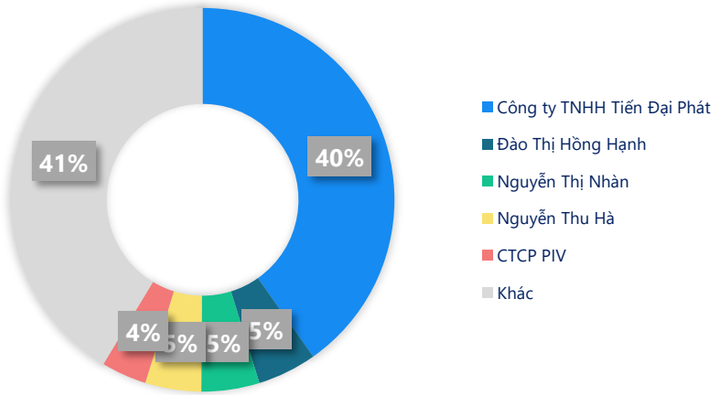

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

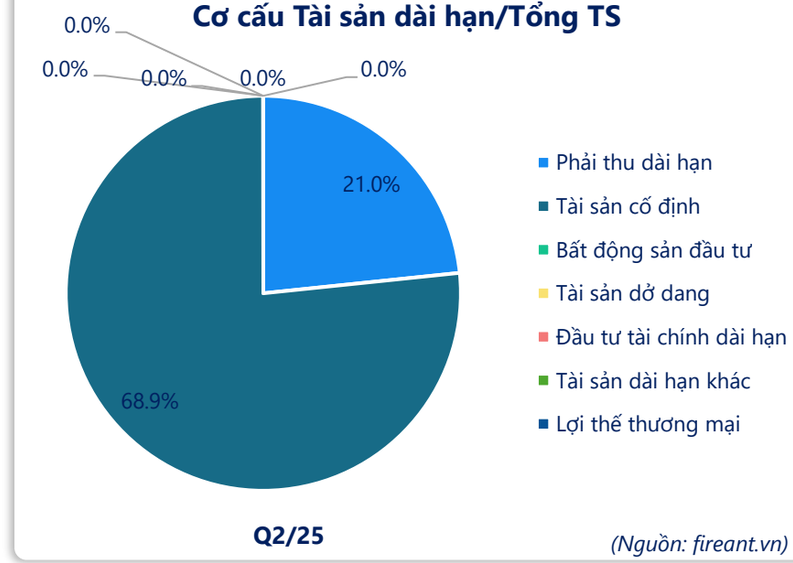

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP BOT Cầu Thái Hà (UPCOM: BOT)

Tiền và tương đương tiền

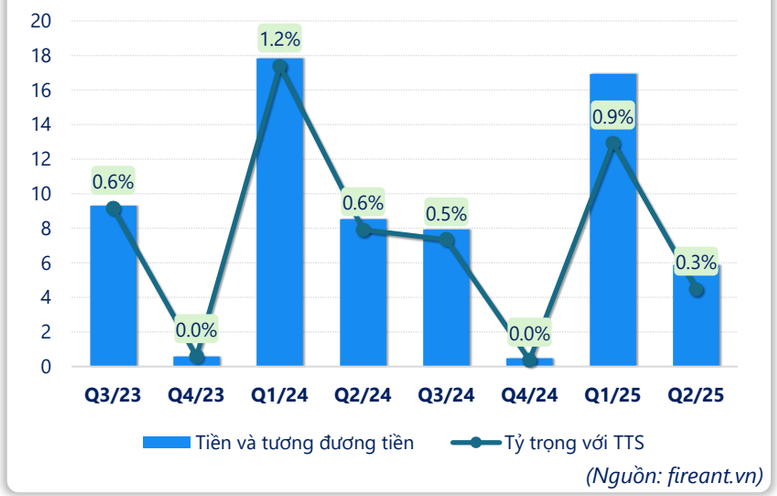

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

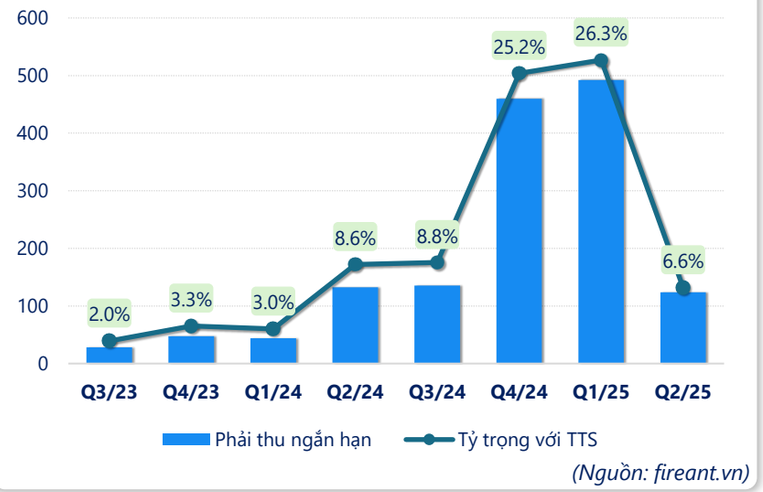

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

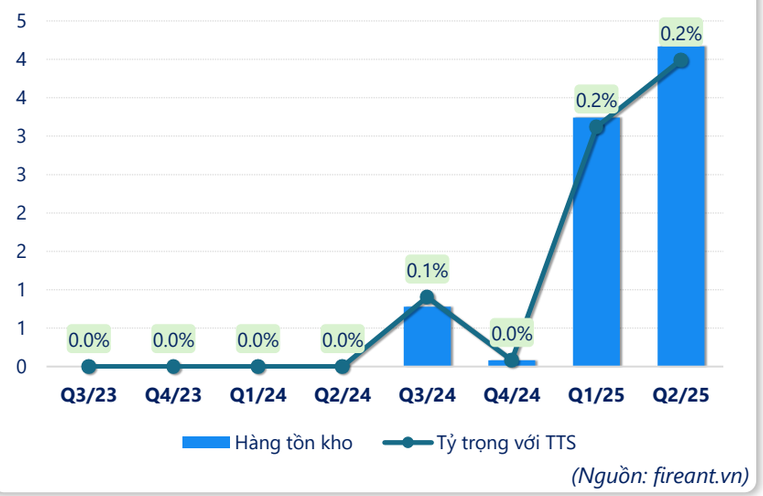

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

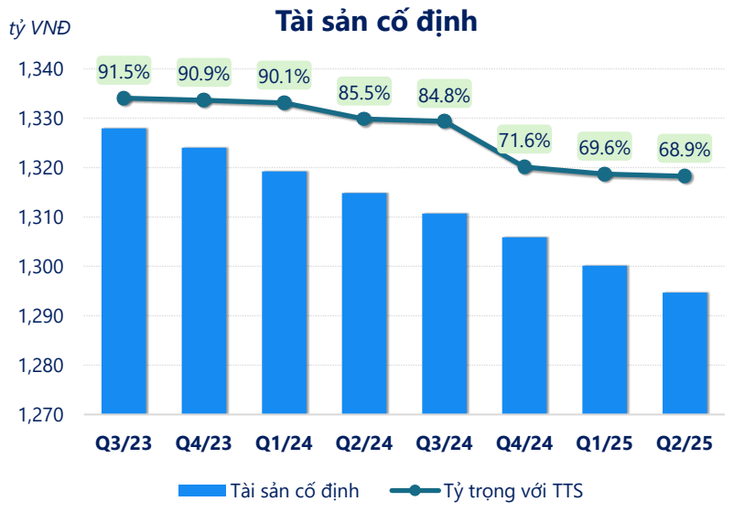

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

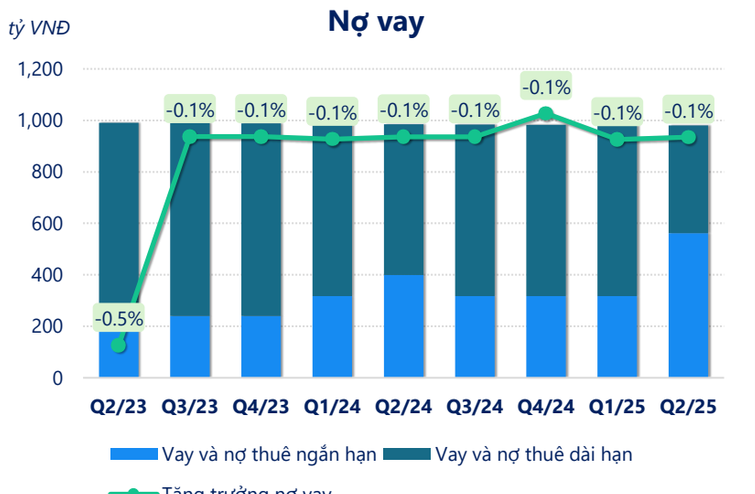

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

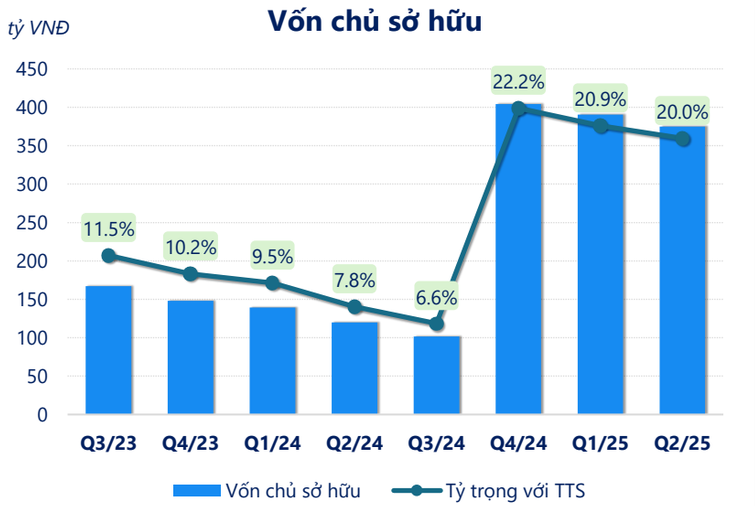

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP BOT Cầu Thái Hà (UPCOM: BOT)

Kết quả kinh doanh

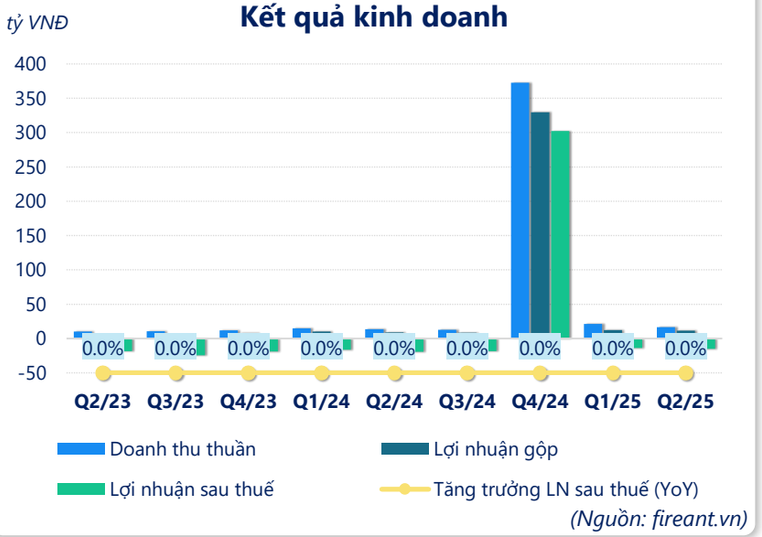

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

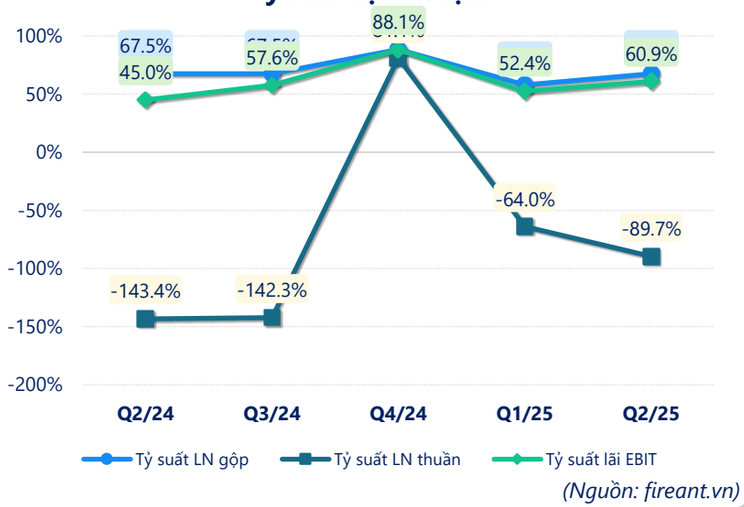

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

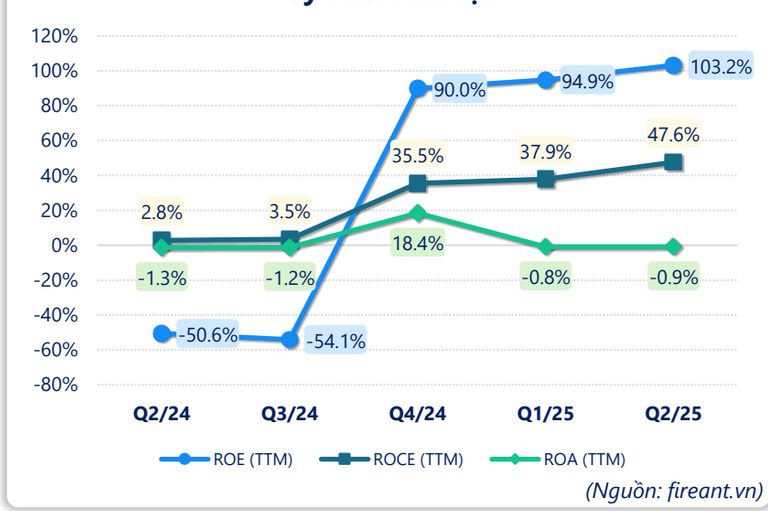

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

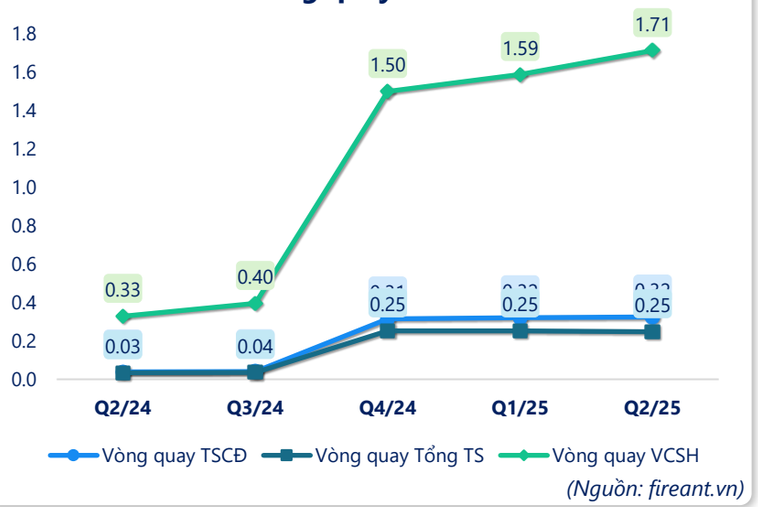

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

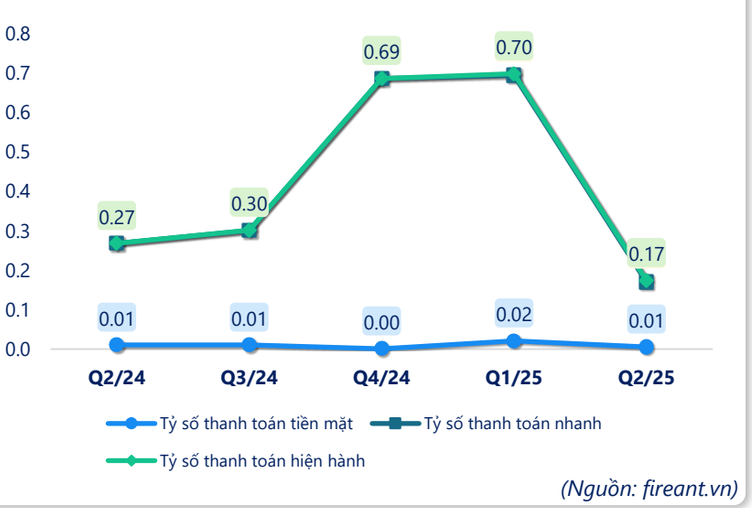

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

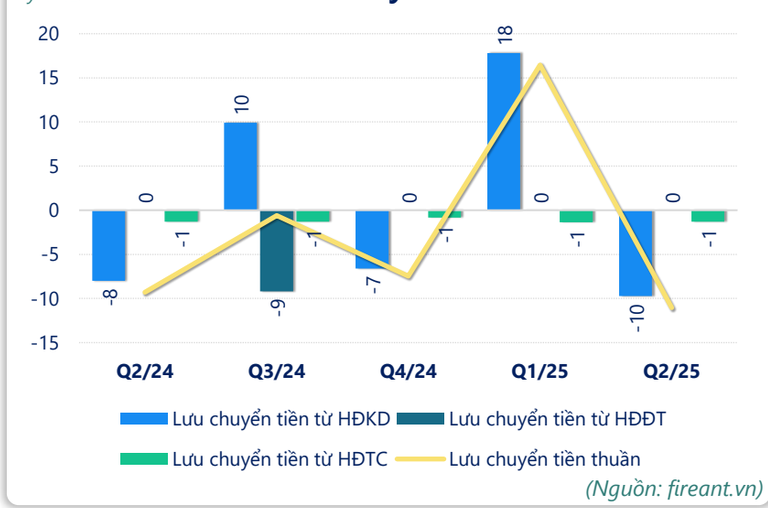

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP BOT Cầu Thái Hà (UPCOM: BOT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,878**	**1,823**	**3.0%**
Tài sản ngắn hạn	189	192	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	5.89	0.48	1125%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.20	9.20	0.0%
Phải thu ngắn hạn	124	134	-7.8%
Hàng tồn kho	4.17	0.08	5040%
Tài sản ngắn hạn khác	45.8	48.1	-4.8%
Tài sản dài hạn	**1,689**	**1,631**	**3.5%**
Phải thu dài hạn	394	325	21.2%
Tài sản cố định	1,295	1,306	-0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.09**	**0.14**	**-35.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,503	1,420	5.9%
Nợ ngắn hạn	**1,085**	**917**	**18.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	562	481	16.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.8	31.0	-10.4%
Nợ dài hạn	418	502	-16.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	418	502	-16.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**375**	**404**	**-7.1%**
Vốn chủ sở hữu	**375**	**404**	**-7.1%**
Vốn điều lệ	592	592	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	13.4	12.8	373	21.4	16.7
Giá vốn hàng bán	4.36	4.15	43.3	9.02	5.43
Lợi nhuận gộp	9.08	8.63	329	12.4	11.3
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.03	0.00	0.21
Chi phí TC	25.3	25.6	26.0	24.9	25.2
Chi phí lãi vay	25.3	25.6	26.0	24.9	25.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.03	1.26	1.21	1.18	1.32
LN thuần từ HĐKD	-19.3	-18.2	302	-13.7	-15.0
Lợi nhuận khác	0	0	0.00	0	0
LN trước thuế	-19.3	-18.2	302	-13.7	-15.0
Lợi nhuận sau thuế	-19.3	-18.2	302	-13.7	-15.0
LNST của CĐ cty mẹ	-19.3	-18.2	302	-13.7	-15.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.00	9.91	-6.61	17.8	-9.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-9.20	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.30	-1.30	-0.85	-1.35	-1.30
Tiền đầu kỳ	17.8	8.53	7.94	0.48	16.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.30**	**-0.59**	**-7.46**	**16.5**	**-11.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.53	7.94	0.48	16.9	5.89

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic